TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:108/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-10- 2021
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ái Xuân

2. Bà Trần Thị Kim Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Huỳnh Thị T,** sinh năm 1986 "đề nghị xét xử vắng mặt".

Địa chỉ: ấp NLB, xã TC, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1986"đề nghị xét xử vắng mặt".

Địa chỉ: ấp NLB, xã TC, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 03 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Thanh T thành hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long ngày 31/10/2009. Thời gian chung sống được 13 năm, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hiện chị và anh T không còn chung sống với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Nhật T, sinh ngày 31/7/2011 hiện đang sống với anh T, nay chị giao con chung cho anh T nuôi dưỡng chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn T T trình bày: Giữa anh và chị T qua quen biết nhau thành hôn vào năm 2009 có đăng ký. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẩn thường xuyên cự cãi với nhau hiện không còn chung sống với nhau khoảng 5 năm, nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh và chị T có 01 con chung Nguyễn Huỳnh Nhật T, sinh ngày 31/7/2011 hiện đang sống với anh. Nay anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 56, 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị T về việc ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh T. Về con chung giao cháu Nguyễn Huỳnh Nhật Thanh, sinh ngày 31/7/2011cho anh Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm buộc chị T nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tóa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trường hợp này là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO theo qui định tại khoản 7 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Huỳnh Thị T, bị đơn anh Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị T và bị đơn anh Nguyễn Thanh T thành hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TO trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẩn do thường xuyên cự cãi nhau hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau, thời gian ly thân không ai tạo điều kiện đoàn tụ. Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn cùng bị đơn, bị đơn có trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với nguyên đơn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn cùng bị đơn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Thanh T có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Nhật T, sinh ngày 31/7/2011 hiện đang sống với anh T. Nay chị T giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ theo lời trình bày của chị T và anh T từ khi anh và chị T ly thân thì cháu Thanh sống với anh T, anh T cũng đảm bảo về điều kiện nuôi con đồng thời cháu có văn bản trình bày nguyện vọng xin được sống với anh T nên Hội đồng xét xử giao Nguyễn Huỳnh Nhật T, sinh ngày 31/7/2011 cho anh Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về cấp dưỡng nuôi con đây là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con. Tuy nhiên anh T không yêu cầu gì đối với chị T về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh T có yêu cầu thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị T và Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[2.4]. Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát như nhận định trên.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án, buộc chị T nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và các Điều 56,81,82, và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị T. Xử cho chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Huỳnh Nhật T, sinh ngày 31/7/2011 cho anh Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng, chị Huỳnh Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Buộc chị Huỳnh Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình. Trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0016839 ngày 19 tháng 3 năm 2021, chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị T, anh T biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện TO;
- THADS huyện TO;
- UBND xã TC, huyện TO (GCN kết hôn số 125 quyển 01 ngày 31/10/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hoàng Phú